TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2020/DS-ST
Ngày 11/6/2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Sanh

- Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Nhã Minh Hoàng, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1956. (Có mặt)

Địa chỉ: đường D, phường BT, quận H, thành phố Đà Nẵng.

2. Bị đơn: Bà Trương Thị T, sinh năm 1963. (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường D, phường BT, quận H, thành phố Đà Nẵng.

3. Người làm chứng: Bà Văn Thị B; Địa chỉ: đường V, phường X, quận L, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của nguyên đơn nội dung vụ án như sau:

Vào ngày 23/9/2018 bà Vũ Thị H có cho bà Trương Thị T mượn số tiền 20.000.000 đồng. Ngày 13/11/2019 bà H tiếp tục cho bà T mượn số tiền 80.000.000 đồng. Cả hai lần mượn tiền bà T đều có viết giấy mượn. Nội dung các giấy mượn tiền không thể hiện ngày trả. Sau khi mượn, bà H đã nhiều lần yêu cầu bà T trả lại số tiền

trên nhưng bà T vẫn không trả. Nay, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T trả lại cho bà H tổng số tiền đã mượn là 100.000.000 đồng. Bà H không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà Trương Thị T để lấy lời khai và tham gia hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của bị đơn, xác định được bà T có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại đường D, phường BT, quận H, thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên, bà T đã đi khỏi địa phương từ ngày 16/12/2019, đi đâu không rõ. Mặt khác, người nhà bà T từ chối nhận các văn bản tố tụng do Tòa tống đạt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bà T bằng thủ tục niêm yết và Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 100.000.000 đồng là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai, do đó HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp: Bà H đã cung cấp cho Tòa án 02 giấy mượn tiền ngày 23/9/2018 và ngày 13/11/2019 giữa bà H và bà T. Theo nội dung các giấy mượn tiền thể hiện, ngày 23/9/2018 bà T có mượn của bà H số tiền 20.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi và không có thời hạn trả; Ngày 13/11/2019 bà T mượn của bà H số tiền 80.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi và không xác định thời hạn trả. Như vậy, trình bày của bà H về việc bà T mượn 02 lần với tổng số tiền 100.000.000 đồng là có cơ sở.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 100.000.000 đồng: Kể từ thời điểm mượn tiền, bà H đã nhiều lần yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T vẫn không trả. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho bà T các văn bản tố tụng nhưng bà T vẫn không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không tham gia hòa giải tại Tòa án. HĐXX nhận định bà T

đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với bà H theo quy định tại Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà H cần được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) bị đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H đối với bà Trương Thị T.

Xử:

1. Buộc bà Trương Thị T phải trả cho bà Vũ Thị H số tiền 100.000.000 đồng. (Một trăm triệu đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) bà Trương Thị T phải chịu.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *Chi cục THADS quận Hải Châu*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Thủy